

Bản án số: 535/2017/HS-PT
Ngày 10 tháng 10 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Bà Trần Thị Huyền Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Nhi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Phong Lưu – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2017, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 317/2017/HSPT-TL ngày 28/6/2017 đối với Nguyễn Công L và đồng phạm bị xét xử sơ thẩm về tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” do có kháng cáo của các bị cáo Dương Văn L1 và Nguyễn Văn T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 168/2017/HSST ngày 16/5/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo kháng cáo:

1. Dương Văn L1 ; giới tính: Nam; Sinh ngày 06/02/1985, tại: thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã Y, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: tổ 12, ấp L, xã Y, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Tài xế; Con ông: Dương Văn Đ và bà: Trần Thị L; Vợ: Trần Thị Thanh T, có 01 con sinh năm 2012 ; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2016 đến ngày 24/8/2016 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

2. Nguyễn Văn T, tên gọi khác: **R**; giới tính: Nam; Sinh năm 1980, tại: Tây Ninh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp G, xã P, huyện Trảng Bàng, tỉnh

Tây Ninh; Chỗ ở: phòng số 8 Nguyễn Văn Khạ, khu phố 1, thị trấn Củ Chi, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: không; Con ông: Nguyễn Văn C và bà: Võ Thị B; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/5/2016 – có mặt.

Người bào chữa: Luật sư Nguyễn Văn M thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T, (có mặt).

Các bị cáo khác không kháng cáo, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và bản án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Bá L2, Lê Minh C, Dương Văn D, Dương Văn L1 là tài xế lái xe ô tô tải cho Công ty U. Trong thời gian từ tháng 01/2015 đến tháng 7/2015, khi được Công ty giao vận chuyển hàng hóa cho khách hàng, L2, C, D, L1 đã cấu kết với Nguyễn Công L, Phan Trung H1, Nguyễn Văn H2, Trần Lý T1, Vương Chí K thuê kho của Đào Văn B thực hiện hành vi cắt seal niêm phong thùng hàng và seal niêm phong thùng xe ô tô tải, để lấy trộm áo thun thành phẩm của Công ty S, có sự tham gia giúp sức của Đào Văn P (con B), Trần Văn T2, Trần Đình T3 (nhân viên kho của B) và Trần Thị K (vợ B), rồi giao cho Nguyễn Văn T và Nguyễn Phúc L2 đem tiêu thụ, lấy tiền chia nhau tiêu xài. Các đối tượng đã thực hiện 03 vụ trộm cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Ngày 26/4/2015 Nguyễn Văn H2 biết Dương Văn L1 lái xe tải ô tô tải biển số: 51C-508.62 chở hàng của Công ty S nên rủ L1 lấy trộm hàng trên xe để bán lấy tiền tiêu xài, L1 đồng ý. H2 đã thỏa thuận với Đào Văn B việc đưa xe vào kho hàng của B để lấy trộm hàng, B đồng ý. Sau khi nhận hàng, L1 đậu xe trong Công ty S rồi điện thoại cho Phùng Thanh T4 (bạn L1), thuê T4 thay thế L1 lái xe đi giao hàng dùm, T4 đồng ý. Theo hẹn vào khoảng 8 giờ ngày 27/4/2015 L1 giao xe cho T4 điều khiển, còn L1 đi xe máy theo sau. Khi đến Ngã tư Hóc Môn gặp H2 thì L1 kêu T4 điều khiển xe theo L1 và H2 vào kho của Đào Văn B tại địa chỉ: 79A ấp 1, xã Xuân Thới Sơn, huyện Z, thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, H2, L1 cùng B, Đào Văn P (con B), Trần Văn T2 và Trần Đình T3 (là nhân viên của B) phá mở seal niêm phong của Công ty S và seal dây niêm phong của Công ty U, rồi dùng dao cắt băng keo mở các thùng hàng lấy trong mỗi thùng khoảng từ 20 đến 30 cái áo thun rồi dùng băng keo dán lại, dùng seal cỏi màu trắng của Công ty S bấm lại niêm phong, còn seal dây niêm phong của Công ty U thì dùng keo dán sắt để kết dính lại như cũ. Trong

khi L1 và đồng bọn lấy trộm hàng thì T4 vẫn ngồi trên ca bin xe nên không biết việc trộm cắp. Sau khi thực hiện xong hành vi trộm cắp hàng, L1 tiếp tục dẫn đường cho T4 lái xe về kho TBS- Tân Vạn, Bình Dương giao hàng.

Số áo thun trộm được H2 thuê xe ba gác chở về nhà của H2 tại ấp 11, xã Tân Thạnh Đông, huyện C, sau đó cùng L1 kiểm đếm được 2.150 cái áo thun, giao H2 đem bán. Khoảng 18 giờ ngày 27/4/2015, H2 thuê taxi chở toàn bộ số áo thun trộm được bán cho đối tượng tên E (chưa xác định được lai lịch) được 28.000.000 đồng, H2 chia cho L1 17.000.000 đồng, trả tiền công và chi phí thuê kho và tiền công cho B 2.000.000 đồng, chiếm hưởng 9.000.000 đồng. L1 trả tiền công lái xe cho T4 3.000.000 đồng, chiếm hưởng 14.000.000 đồng. B trả tiền công cho P, Đ, T3, T4 mỗi người 100.000 đồng.

Công ty S báo mất trong vụ trộm trên số hàng 5.011 áo thun thành phẩm. Kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND thành phố Hồ Chí Minh kết luận số áo thun trên có trị giá 450.990.000 đồng. Công ty S tự bỏ tiền mua lại của bà Phạm Khánh V 5009 áo thun, còn 02 áo chưa thu hồi được.

Vụ thứ 2: Do có bàn bạc từ trước giữa Dương Văn D và Nguyễn Công L về việc trộm hàng của Công ty S, nên vào ngày 25/4/2015, D cùng L đem xe tải biển số 51C-081,82 của Công ty U đến tiệm hàn của anh Nguyễn T5 tại số 145 Hồ Văn Tăng, xã Tân Phú Trung, huyện C thuê anh T5 mài bỏ 02 con ốc tán chết gắn trên khoen khóa của sau xe ô tô tải, rồi thay thế 02 con ốc khác vào. Ngày 26/4/2015, D được Công ty U giao điều khiển xe tải trên vận chuyển hàng cho Công ty S đến kho hàng sân bay Tân Sơn Nhất. Đến khoảng 04 giờ 30 ngày 27/4/2015, D điều khiển xe hàng đi giao, đến ngã tư Bàu Đá, huyện C thì L đón và cho xe về kho hàng của Nguyễn Trường S (do D và L thuê chỗ đậu xe) tại ấp Cây Da, xã Tân Phú Trung, huyện C. Tại đây, D và L tháo mở 02 con ốc ở bộ phận khóa cửa sau xe, mở cửa thùng xe mà không làm hư seal niêm phong của Công ty S, L dùng kiềm cắt đứt dây seal niêm phong của Công ty U. D và L mở băng keo từng thùng hàng lấy được khoảng 4.800 áo thun thành phẩm rồi dán lại các thùng hàng và seal niêm phong như cũ. Sau đó D tiếp tục chở hàng về kho sân bay Tân Sơn Nhất giao hàng.

L đem một số mẫu áo trộm được gặp Nguyễn Phú L nhờ giới thiệu người mua. Do L cũng từng lái xe cho Công ty U nên biết số áo thun L chào bán là do trộm cắp có được. L lấy mẫu áo từ L gặp Nguyễn Văn T để chào hàng, T biết số áo thun trên là hàng trộm cắp và đồng ý mua với giá 35.000 đồng/áo. L bán số áo thun trộm được cho T được 168.000.000 đồng. L chia cho D 48.000.000

đồng, chia cho L 4.800.000 đồng, trả tiền thuê bãi và thuê xe cho S 2.500.000 đồng, chi phí khác và tiền ăn nhậu 7.000.000 đồng, còn chiếm hưởng 110.000.000 đồng. L được T chi tiền hoa hồng 4.800.000 đồng. T đem bán 4.800 áo thun mua của L cho Phạm Thị Kim P1 (kinh doanh quần áo may sẵn tại sạp số 29B Trung tâm thương mại Hoàng Thành số 77-89 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1) với giá 40.000 đồng/áo. P1 bán lại cho chị Phạm Khánh V với giá 60.000 đồng/áo, tổng cộng 288.000.000 đồng. P1 hưởng chênh lệch là 96.000.000 đồng. T trả cho L 168.000.000 đồng, còn chiếm hưởng 19.200.000 đồng.

Công ty S báo mất trong vụ trộm trên số hàng 4.957 áo thun thành phẩm. Kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND thành phố Hồ Chí Minh kết luận số áo thun trên có trị giá 533.718.000 đồng. Công ty S tự bỏ tiền mua lại của bà Phạm Khánh V 4.144 áo thun, còn 813 áo chưa thu hồi được.

Vụ thứ 3: Ngày 10/7/2015, Vũ Bá L2 là tài xế cùng Lê Minh C là phụ xe được Công ty U phân công điều khiển xe tải biển số: 51C-200.28 đi nhận và vận chuyển hàng áo thun thành phẩm cho Công ty S từ khu chế xuất Linh Trung III tại huyện Trảng Bàng, Tây Ninh về kho hàng sân bay Tân Sơn Nhất. Sau khi nhận hàng xong và điều khiển xe về đến địa bàn huyện C, L2 điện thoại cho Phan Trung H1 biết. H1 điện thoại cho Đào Văn B báo sẽ đưa xe chở hàng đến kho của B để thực hiện trộm cắp, B đồng ý.

Trên đường đi L2 dừng xe cùng C dùng kìm cắt dây điện của thiết bị định vị gắn trên xe. Khi đến cầu An Hạ, huyện Củ Chi thì gặp H1 chạy xe máy ra đón dẫn đường đến kho của B tại số 79A ấp 1, xã Xuân Thới Sơn, huyện Z. Theo giao hẹn trước với H1, Nguyễn Công L, Trần Lý T1 và Vương Chí K cũng chạy xe máy đến kho của B để cùng thực hiện trộm cắp hàng. Tại đây, H1, L, K, Trần Lý T1, L2, C cùng Đào Văn P (con B), Trần Văn T2 và Trần Đình T3 (nhân viên kho) giật phá mở hai seal bấm mở cửa xe tải; trèo lên xe khiêng 80 thùng carton chứa hàng xuống đất. L sử dụng dao rọc giấy cắt băng keo để mở các thùng hàng, H1 và L2 dùng tay móc lấy một số áo thun trong các thùng hàng cho vào 10 bao tải. Trần Lý T1, Vương Chí K sử dụng băng keo dán các thùng hàng lại như cũ. L2 và C tiếp tục điều khiển xe ô tô tải về kho sân bay Tân Sơn Nhất giao hàng.

Sau khi lấy trộm hàng xong, H1 gởi số áo thun trộm được cho Trần Thị K (vợ B) cất giữ trong kho và hẹn chiều quay lại lấy đi tiêu thụ, K biết việc H1 và đồng phạm thực hiện trộm cắp, vì trước đó do B không có ở kho nên báo cho K

biết việc H1 đưa xe vào kho để trộm hàng và K đã kêu nhân viên mở cửa kho để H1 và đồng phạm đưa xe vào.

Do nghi ngờ hàng hóa bị mất, Công ty U đã tiến hành cho kiểm tra khi nhập hàng và phát hiện các kiện hàng không đúng số lượng áo thun so với số liệu ghi trên thùng hàng nên có đơn tố cáo đến Cơ quan điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh. Cơ quan điều tra đã kết hợp với Công an xã Xuân Thới Sơn, huyện Z kiểm tra kho hàng tại số 79A ấp 1, xã Xuân Thới Sơn, phát hiện thu giữ 3.100 áo thun do H1 và đồng phạm trộm cắp cất giấu. Tiến hành khám xét tại nhà số 64/6 tổ 5, ấp 1, xã Xuân Thới Sơn, huyện Z (do Đào Văn P thuê) thu giữ 40 áo thun cùng số loại.

Công ty S báo mất trong vụ trộm trên số hàng 3.341 áo thun thành phẩm. Kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND thành phố Hồ Chí Minh kết luận số áo thun trên có trị giá 584.675.000 đồng. Số áo thun bị mất không thu hồi được là 201 cái, trị giá 01 cái theo kết quả định giá là 175.000 đồng, như vậy số áo thun chưa thu hồi được có trị giá tương đương 35.175.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 168/2017/HSST ngày 16/5//2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên bố: Bị cáo Dương Văn L1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt: Bị cáo Dương Văn L1 07 (bảy) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/5/2016 đến ngày 24/8/2016.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 250; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; Khoản 3 Điều 7; khoản 3 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015. Nghị quyết số 109 ngày 27/11/2015 và số 144 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội khóa 14 đối với các bị cáo Nguyễn Văn T. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/5/2016.

Ngoài ra bản án còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo khác, tuyên bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 17/5/2017 và ngày 24/5/2017 bị cáo Dương Văn L1, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt với lý do án sơ thẩm xử án quá nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và trình bày yêu cầu kháng cáo xin Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì các lý do: Các bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức, hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo L1 là lao động chính con bị cáo còn nhỏ. Ngoài ra bị cáo T còn nêu, sau khi xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo có nộp thêm khoản tiền bồi thường thiệt hại mà bản án sơ thẩm đã tuyên buộc bị cáo và xuất trình biên lai nộp cũng như chứng cứ mới chứng minh bà ngoại của bị cáo là người có công với cách mạng. Với chứng cứ mới này bị cáo xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm xét xử vụ án đã cho rằng: sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã có đủ cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Dương Văn L1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Điều 138 và Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội. Với hành vi như đã nêu trên, Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm xét xử bị cáo bị cáo Dương Văn L1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự với mức hình phạt 7 năm tù và xét xử bị cáo bị cáo Nguyễn Văn T tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự với mức hình phạt 6 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Các bị cáo T, L1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng không có thêm tình tiết nào mới để xem xét cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo T có trình bày và nộp chứng cứ sau khi xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo có nộp thêm khoản tiền bồi thường thiệt hại mà bản án sơ thẩm đã tuyên buộc bị cáo và bà ngoại của bị cáo là người có công với cách mạng. Nhưng vì đại diện viện kiểm sát nhận định những vấn đề này tuy chưa có tại cấp sơ thẩm nhưng đã được cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo rồi. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Dương Văn L1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bào chữa cho bị cáo T luật sư trình bày: Về phần hình phạt luật sư đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì sau khi xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo có nộp thêm khoản tiền bồi thường thiệt hại mà bản án sơ thẩm đã tuyên buộc bị cáo và xuất trình biên lai nộp cũng như chứng cứ mới chứng minh, bà ngoại của bị cáo là người có công với cách mạng. Theo luật sư đây là tình tiết giảm nhẹ mới mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng nên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các bị cáo Nguyễn Công L, Phan Trung H1, Nguyễn Văn H2, Vương Chí K, Trần Lý T1, đã có hành vi cấu kết với các bị cáo Vũ Bá L2, Lê Minh C, Dương Văn L1 (là các lái xe của Công ty U) thuê kho của Đào Văn B, có sự giúp sức của Đào Văn P (con B), Trần Đình T3, Trần Văn T2 (nhân viên của B), Trần Thị K (vợ B) để lấy tài sản là áo thun (xuất khẩu) các loại của Công ty S trong quá trình vận chuyển được xác định cụ thể 03 vụ. Trong đó;

Bị cáo Dương Văn L1 đã thực hiện hành vi phạm tội như sau: Khoảng 8 giờ ngày 27/4/2015 Nguyễn Văn H2, Dương Văn L1 cùng sự giúp sức của Đào Văn B cho thuê kho tại địa chỉ: 79A ấp 1, xã Xuân Thới Sơn, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, H2, L1 cùng B, Đào Văn P, Trần Văn T2 và Trần Đình T3 phá mở seal niêm phong của Công ty S và seal dây niêm phong của Công ty U trên xe tải biển số 51C-508.62 (do L1 điều khiển) lấy trộm 5.011 áo thun thành phẩm. Kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND thành phố Hồ Chí Minh kết luận có trị giá 450.990.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi tiêu thụ số tài sản do những người thực hiện hành vi trộm cắp trong vụ thứ 2 cụ thể: khoảng 04 giờ 30 ngày 27/4/2015, Dương Văn D điều khiển xe tải biển số 51C-081.82 của Công ty U chở hàng cho Công ty S đã cùng Nguyễn Công L thuê kho hàng của Nguyễn Trường S tại ấp Cây Da, xã Tân Phú Trung, huyện C để đậu xe. Tại đây, D và L tháo mở 02 con ốc ở bộ phận khóa cửa sau, mở cửa thùng xe, dùng kiềm cắt đứt dây seal niêm phong và mở từng thùng hàng lấy được 4.957 áo thun thành phẩm của Công ty S. Kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND Thành phố Hồ Chí Minh kết luận số áo thun trên có trị giá 533.718.000 đồng. Số áo thun trộm cắp được L đem một số mẫu áo trộm được gặp Nguyễn Phú L nhờ giới thiệu người mua. Do L cũng từng lái xe cho Công ty U nên biết số áo thun L chào bán là do trộm cắp có được. L lấy mẫu áo từ L gặp Nguyễn Văn T để chào hàng, T biết số áo thun trên là hàng trộm cắp và đồng ý mua với giá 35.000 đồng/áo. L bán số áo thun trộm được cho T được 168.000.000 đồng. L chia cho D 48.000.000 đồng, chia cho L 4.800.000 đồng, trả tiền thuê bãi và thuê xe cho S 2.500.000 đồng, chi phí khác và tiền ăn nhậu 7.000.000 đồng, còn chiếm hưởng 110.000.000 đồng. L được T chi tiền hoa hồng 4.800.000 đồng. T đem bán 4.800 áo thun mua của L cho Phạm Thị Kim P1 (kinh doanh quần áo may sẵn tại sạp số 29B Trung tâm thương mại Hoàng Thành số 77-89 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1) với giá 40.000 đồng/áo. P1 bán lại cho chị Phạm Khánh V với giá 60.000 đồng/áo, tổng cộng 288.000.000 đồng.

P1 hưởng chênh lệnh là 96.000.000 đồng. T trả cho L 168.000.000 đồng, còn chiếm hưởng 19.200.000 đồng.

Hành vi nêu trong phần nội dung vụ án của các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về các tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng người, đúng tội có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên việc áp dụng hình phạt đối với một số bị cáo khác trong vụ án nhưng không kháng cáo và không bị kháng nghị là chưa nghiêm. Nhưng do giới hạn của cấp xét xử phúc thẩm là không xét xử đối với phần bản án đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử nêu để cơ quan tố tụng cấp có thẩm quyền xem xét theo qui định của pháp luật.

Xét kháng cáo của các bị cáo Hội đồng xét xử nhận định: Hành vi phạm tội của bị cáo L1 và T như đã nêu trên, Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm đã nhận định và phán xử bị cáo Dương Văn L1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” và xử bị cáo Nguyễn Văn T tội phạm “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 3 Điều 138 và khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự, đồng thời vận dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo điểm p,b khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự, các qui định mới có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo L1 07 năm tù, bị cáo T 06 năm tù. Mức hình phạt như vậy là thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

Tuy nhiên, tại phiên Tòa phúc thẩm bị cáo L1 nêu bị cáo là lao động chính trong gia đình có con nhỏ, bị cáo phạm tội do bị rủ rê lôi kéo và bản thân bị cáo chỉ tham gia một vụ duy nhất với vai trò giúp sức cảnh giới cho các bị cáo khác từ đó bị cáo xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm án cho bị cáo. Căn cứ qui định của pháp luật về việc phân hóa hình phạt đối với các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, trong một vụ án thì thấy mức án 7 năm tù đối với bị cáo L1 là mức hình phạt có phần nghiêm khắc hơn so với các bị cáo khác trong vụ án thể hiện sự chưa công bằng. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo L1 giảm cho bị cáo một phần hình phạt là thể hiện tính công bằng và khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo sớm có cơ hội chăm sóc gia đình và người thân.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo T xin giảm nhẹ hình phạt và xuất trình chứng cứ mới là biên lai nộp tiền bồi thường thiệt hại mà bản án sơ thẩm đã tuyên buộc bị cáo và xuất trình chứng cứ mới chứng minh, bà ngoại của bị cáo là người có công với cách mạng. Hội đồng xét xử nhận định đây là tình tiết giảm nhẹ mới mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng nên, Hội đồng xét xử chấp nhận phần bào chữa của luật sư xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng điểm b Khoản 2, Khoản 3 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Văn L1 và bị cáo Nguyễn Văn T. Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Dương Văn L1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt: Bị cáo Dương Văn L1 06 (sáu) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng, được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/5/2016 đến ngày 24/8/2016.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 250; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; Khoản 3 Điều 7; khoản 3 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015. Nghị quyết số 109 ngày 27/11/2015 và số 144 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội khóa 14. Xử phạt : Bị cáo Nguyễn Văn T 05 (năm) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/5/2016. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo cho việc thi hành án.

2/ Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Dương Văn L1 và Nguyễn Văn T không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu L2 pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu L2 pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ THÀNH VĂN

TRẦN THỊ HUYỀN VÂN

PHẠM THỊ DUYÊN